

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 -8 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Ninh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Đình Tuấn

Ông Lành Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Kỳ Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Thi S, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số G đường T, khối A, phường T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số G ngõ A đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Số I, N, phường T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Bị đơn: Ông Toàn Minh T, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số G đường T, khối A, phường T, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số G ngõ A đường T, phường K, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị Thi S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Toàn Minh T có được tìm hiểu nhau trước khi kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L (nay là phường K), tỉnh Lạng Sơn vào ngày 10/10/2009 (số 100 quyền số 02). Vợ chồng được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, sau đó chung sống tại nhà bố mẹ ông Toàn Minh T ở số G đường T, phường T, tỉnh Lạng Sơn, cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Từ khoảng năm 2013, vợ chồng đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, ông Toàn Minh T thường xuyên đi ăn, uống rượu về muộn, bà nhận tin thì vợ chồng cãi nhau, chửi nhau, không tôn trọng vợ trước mặt bạn và nhiều lần ông T đánh bà; cuộc sống cứ diễn ra thường xuyên như vậy. Tối ngày 14/5/2025 ông Toàn Minh T sau khi đi cả ngày không ở nhà, khi về ông Toàn Minh T không tôn trọng bà, vợ chồng cãi nhau và ông Toàn Minh T lại đánh bà. Ngày 15/5/2025 bà đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của bà ở. Bà xác định đến nay không còn tình cảm vợ chồng, đề nghị ly hôn với ông Toàn Minh T.

- Về con chung: Ông bà có 02 con là cháu Toàn Thực A sinh ngày 24/4/2011 và cháu Toàn Trúc A1 sinh ngày 17/5/2013. Hiện nay bà có công việc ổn định có thu nhập trung bình khoảng 15.000.000đ/tháng, bà đang sống tại nhà bố mẹ đẻ và bố mẹ bà nhất trí cho bà và các con của bà ở cùng, nên bà có đủ điều kiện nuôi con. Ông Toàn Minh T có chỗ ở ổn định, là lao động tự do cũng có thu nhập nên cũng đủ điều kiện nuôi con. Khi ly hôn, bà yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; ông Toàn Minh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Thực tế qua trao đổi thì bà và ông Toàn Minh T không tranh chấp về nuôi con, mà hướng đến việc cả hai cùng chăm sóc con, các con có thể ở với bố hoặc mẹ đều được. Nếu ông Toàn Minh T yêu cầu nuôi con thì bà cũng đồng ý và sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của đương sự và tại phiên tòa, bị đơn ông Toàn Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu, tình cảm, đăng ký kết hôn và chung sống sau kết hôn như bà Hoàng Thị Thi S trình bày là đúng. Về mâu thuẫn vợ chồng bà Hoàng Thị Thi S trình bày là không hoàn toàn đúng. Trong quá trình sinh sống vợ chồng hạnh phúc, thi thoảng có mâu thuẫn nhỏ trong gia đình nhưng hàn gắn được. Từ khoảng tháng 02/2025, vợ chồng ông hay cãi nhau về việc ông hay đi uống rượu, không ở nhà hộ vợ con, trong quá trình mâu thuẫn vợ chồng có xô sát. Ngày 15/5/2025, bà Hoàng Thị Thi S bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay, vì tối ngày 14/5/2025 vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn do ông hiểu nhầm vợ, không kìm chế bản thân nên ông có xô sát với vợ. Từ thời điểm vợ ông bỏ về nhà mẹ đẻ ở, ông đã qua rất nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng, bố mẹ vợ cũng đã tha thứ nấu cơm ông ăn cùng. Tuy nhiên đến thời điểm này vợ

ông chưa tha thứ cho ông. Ông xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn được hòa giải quay về đoàn tụ.

- Về con chung: Ông bà có 02 con là cháu Toàn Thực A sinh ngày 24/4/2011 và cháu Toàn Trúc A1 sinh ngày 17/5/2013. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý để bà Hoàng Thị Thi S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; ông không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, các cháu Toàn Thực A và Toàn Trúc A1 trình bày:

Hàng ngày, trong cuộc sống các cháu thấy thi thoảng bố mẹ có cãi, chửi nhau và có nhiều lần đánh nhau. Bố mẹ các cháu không còn ở cùng nhau từ tháng 5/2025. Hiện nay bố là người chăm sóc cuộc sống cho các cháu và nấu cơm. Gia đình chỉ có 03 bố con ở cùng nhau, không còn ai khác. Mẹ các cháu đang ở nhà bà ngoại, thi thoảng các cháu về nhà bà ngoại chơi với bà với mẹ. Từ lúc xảy ra sự việc cãi nhau đến bây giờ, bố các cháu đã xin lỗi mẹ nhiều lần để quay về đoàn tụ, các cháu mong muốn gia đình được đoàn tụ. Các cháu mong muốn ở cùng cả 02 người; trường hợp bố mẹ phải ly hôn các cháu sẽ ở cùng mẹ, thi thoảng các cháu về ở với bố. Hiện nay, các cháu có thể làm các việc nhà như lau nhà, quét nhà, nấu cơm, giặt quần áo, tự đi học và tự làm được các việc cá nhân của mình.

Tại phiên tòa, các đương sự đều khai hiện nay các cháu đang nghỉ hè và ở với bà Hoàng Thị Thi S. Cả hai vợ chồng không tranh chấp về việc nuôi con. Về quan hệ hôn nhân ông Toàn Minh T giữ nguyên đề nghị được đoàn tụ nhưng ông đã xin lỗi nhiều lần, bà Hoàng Thị Thi S không tha thứ, ông không có biện pháp khác; bà Hoàng Thị Thi S khẳng định đã hết tình cảm với ông Toàn Minh T, cuộc hôn nhân này không thể hàn gắn được nên giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Toàn Minh T.

Những người biết việc là mẹ đẻ của ông Toàn Minh T và mẹ đẻ của bà Hoàng Thị Thi S đều trình bày biết việc một số lần vợ chồng ông Toàn Minh T xảy ra cãi nhau, đánh nhau, sau đó ông Toàn Minh T đã xin lỗi bà Hoàng Thị Thi S và vợ chồng lại làm hòa. Nay vợ chồng ông Toàn Minh T lại tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, gia đình mong các con hòa giải đoàn tụ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý, giải quyết vụ án; xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp; thực hiện thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đầy đủ, đúng quy định; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời

hạn. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thành phần, trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án từ khi khai mạc phiên tòa đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và chấp hành đúng nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Đề xuất giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 246, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4; khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thi S, cho bà Hoàng Thị Thi S được ly hôn với ông Toàn Minh T; về con chung: Bà Hoàng Thị Thi S và ông Toàn Minh T có 02 con chung là cháu Toàn Thực A sinh ngày 24/4/2011 và cháu Toàn Trúc A1 sinh ngày 17/5/2013; đề nghị giao 02 con chung cho bà Hoàng Thị Thi S là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi; ông Toàn Minh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung do bà Hoàng Thị Thi S không yêu cầu.

Về tài sản chung: Các đương sự đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nợ chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Hoàng Thị Thi S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Nội dung yêu cầu, kiến nghị, khắc phục vi phạm không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Hoàng Thị Thi S sinh sống tại phường T, tỉnh Lạng Sơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn) giải quyết ly hôn, con chung khi ly hôn với ông Toàn Minh T cư trú tại phường T, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn; xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Thi S và ông Toàn Minh T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H (nay là phường K), tỉnh Lạng Sơn, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày ngày

10/10/2009 (số 100 quyển số 02), do đó hôn nhân giữa bà Hoàng Thị Thi S và ông Toàn Minh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Qua lời khai của bà Hoàng Thị Thi S và ông Toàn Minh T xác định, khoảng 02 năm sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc bà Hoàng Thị Thi S xin ly hôn là ông Toàn Minh T thường xuyên đi ăn, uống rượu, không tôn trọng vợ trước mặt bạn, vợ chồng cãi nhau và nhiều lần hai vợ chồng đánh, chửi nhau. Từ ngày 15/5/2025 đến nay bà Hoàng Thị Thi S dọn ra khỏi nhà ông Toàn Minh T về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông Toàn Minh T nhiều lần đến gặp mặt có lời xin lỗi bà Hoàng Thị Thi S và thông qua người thân, bạn bè tác động bà Hoàng Thị Thi S tha thứ bỏ qua để quay về đoàn tụ gia đình, nhưng bà không chấp nhận. Bà Hoàng Thị Thi S xác định không còn tình cảm vợ chồng nên không thể hàn gắn. Xét thấy, qua lời khai đương sự, lời trình bày cung cấp thông tin của mẹ đẻ và của các con của đương sự thấy có việc bạo lực trong cuộc hôn nhân của bà Hoàng Thị Thi S và ông Toàn Minh T. Việc có bạo lực trong hôn nhân dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; ngoài ra, bà Hoàng Thị Thi S xác định không còn tình cảm vợ chồng, vợ chồng sống ly thân từ ngày 15/5/2025 đến nay. Nên bà Hoàng Thị Thi S yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Thi S, cho bà Hoàng Thị Thi S được ly hôn với ông Toàn Minh T.

[4] Về con chung: Bà Hoàng Thị Thi S và ông Toàn Minh T có 02 con là cháu Toàn Thực A sinh ngày 24/4/2011 và cháu Toàn Trúc A1 sinh ngày 17/5/2013. Hiện nay các đương sự đều có công việc tự do, có thu nhập, có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện nuôi con. Các đương sự thống nhất được việc giao con cho bà Hoàng Thị Thi S là người trực tiếp nuôi con trong trường hợp ly hôn và không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận và giao cho bà Hoàng Thị Thi S là người được quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Toàn Thực A sinh ngày 24/4/2011 và cháu Toàn Trúc A1 sinh ngày 17/5/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; ông Toàn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Các đương sự đều trình bày không có nợ chung, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Hoàng Thị Thi S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại

khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lạng Sơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị Thi S ly hôn với ông Toàn Minh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 100 quyển số 02, ngày 10/10/2009 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố L (nay là phường K), tỉnh Lạng Sơn.

2. Về con chung: Giao cho bà Hoàng Thị Thi S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là các cháu T1 Thục A sinh ngày 24/4/2011 và cháu Toàn Trúc A1 sinh ngày 17/5/2013 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; ông Toàn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Toàn Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị Thi S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước. Số tiền án phí nêu trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Hoàng Thị Thi S đã nộp theo biên lai tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000710 ký hiệu BLTU/23 ngày 29/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 1 - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- UBND phường Kỳ Lừa, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Ninh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Đình Tuấn

Lành Văn Khánh

Nguyễn Hải Ninh

